TẬP ĐOÀN SÔNG ĐÀ - SONGDA HOLDINGS
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ
SONGDA INFRASTRUCTURE CONSTRUCTION JOIN STOCK COMPANY
Xã Mỹ đình, Từ Liêm, Hà Nội
Tel:04.7682972 Fax:04.7682972

JAS-ANZ
QUACERT
ISO 9001:2000

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2012

Hà Nội, năm 2012

CÔNG TY CP XD HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ
Địa chỉ: TOÀ NHÀ SICO - ĐƯỜNG PHẠM HÙNG - TỪ LIÊM - HÀ NỘI
Tel: 04.37684581 Fax: 04.37682972

Mẫu số B 01 - DN
(Ban hành kèm theo QĐ 15/2006/QĐ BTC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2012

Đơn vị tiền: đồng VN

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/03/2012	01/01/2012
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	**100**		**357,400,202,140**	**319,818,475,705**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**3,931,730,629**	**703,120,834**
1. Tiền	111	V.01	3,931,730,629	703,120,834
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	V.02	**882,180,397**	**882,180,397**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		882,180,397	882,180,397
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**188,946,890,461**	**191,571,854,247**
1. Phải thu khách hàng	131		69,739,734,027	57,434,587,071
2. Trả trước cho người bán	132		27,643,916,350	28,758,676,642
3. Các khoản phải thu khác	135	V.03	93,332,428,115	107,147,778,565
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(1,769,188,031)	(1,769,188,031)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**122,319,457,918**	**95,015,879,167**
1. Hàng tồn kho	141	V.04	122,319,457,918	95,015,879,167
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**41,319,942,735**	**31,645,441,060**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10,884,458,164	953,014,535
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8,953,124,355	6,663,829,121
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	-	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		21,482,360,216	24,028,597,404
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	**200**		**157,759,241,221**	**156,561,991,346**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**-**	**-**
II Tài sản cố định	**220**		**82,199,547,184**	**80,812,262,855**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	55,233,177,803	58,479,212,287
- Nguyên giá	222		73,044,719,151	79,535,323,575
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223		(17,811,541,348)	(21,056,111,288)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	6,638,159,091	-
- Nguyên giá	225		6,654,068,182	
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	226		(15,909,091)	
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
4. Chi phí XDCB dở dang	230	V.11	20,328,210,290	22,333,050,568
III. Bất động sản đầu tư	**240**	V.12	**-**	**-**
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**70,749,625,000**	**70,749,625,000**
1. Đầu tư vào công ty con	251		66,460,000,000	66,460,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		400,000,000	400,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	3,889,625,000	3,889,625,000
V. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	**260**		**4,810,069,037**	**5,000,103,491**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	4,810,069,037	5,000,103,491
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	**270**		**515,159,443,361**	**476,380,467,051**

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31/03/2012	01/01/2012
A/ Nợ phải trả (300=310+330)	**300**		**295,418,197,892**	**256,985,452,529**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**269,331,965,696**	**233,032,119,424**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	115,517,739,693	110,572,556,856
2. Phải trả cho người bán	312		61,956,149,480	34,870,320,588
3. Người mua trả tiền trước	313		8,989,423,674	7,274,073,674
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	21,918,307,417	22,054,706,025
5. Phải trả người lao động	315		1,462,364,285	1,213,540,485
6. Chi phí phải trả	316	V.17	2,686,316,545	3,207,234,727
7. Phải trả nội bộ	317		-	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐồng XD	318		-	
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	51,840,361,522	48,878,383,989
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		4,961,303,080	4,961,303,080
II. Nợ dài hạn	**330**		**26,086,232,196**	**23,953,333,105**
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		1,451,023,906	1,451,023,906
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	18,866,170,159	16,201,770,159
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		94,080,404	94,080,404
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		5,674,957,727	6,206,458,636
B.Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	**400**		**219,741,245,469**	**219,395,014,522**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	V.22	**219,741,245,469**	**219,395,014,522**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		209,500,000,000	209,500,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		650,501,870	650,501,870
3. Cổ phiếu quỹ			(7,525,875,398)	(7,525,875,398)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		11,266,639,192	11,266,639,192
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		4,577,807,990	4,577,807,990
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1,272,171,815	925,940,868
8. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**-**	**-**
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	**440**		**515,159,443,361**	**476,380,467,051**

Lập, ngày 24 tháng 4 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Lan Hương	*Chu Thị Á nh*	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Văn Bảy

Đơn vị báo cáo :CÔNG TY CP XD HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ
Địa chỉ: TOÀ NHÀ SICO - ĐƯỜNG PHẠM HÙNG - TỪ LIÊM - HÀ NỘI
Tel: 04.37684581 Fax: 04.37682972

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I năm 2012

Đơn vị tính : đồng VN

Chỉ tiêu	Mã số	Quý I		Lũy kế từ đầu năm	
		Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31,990,454,539	26,563,515,209	31,990,454,539	26,563,515,209
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	68,194,359	-	68,194,359
+ Giảm giá hàng bán		-	68,194,359	-	*68,194,359*
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	31,990,454,539	26,495,320,850	31,990,454,539	26,495,320,850
4. Giá vốn hàng bán	11	30,464,487,299	16,138,645,095	30,464,487,299	16,138,645,095
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	1,525,967,240	10,356,675,755	1,525,967,240	10,356,675,755
6. Doanh thu hoạt động tài chính	`	1,122,213,141	286,376,255	1,122,213,141	286,376,255
7. Chi phí tài chính	22	2,106,841,016	4,366,353,872	2,106,841,016	4,366,353,872
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*	*2,106,841,016*	*4,336,976,159*	*2,106,841,016*	*4,336,976,159*
8. Chi phí bán hàng	24	-			-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	1,330,880,285	2,918,908,770	1,330,880,285	2,918,908,770
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22) - 24 - 25)	30	(789,540,920)	3,357,789,368	(789,540,920)	3,357,789,368
11. Thu nhập khác	31	2,744,823,725	14,993,451	2,744,823,725	14,993,451
12. Chi phí khác	32	1,493,641,542		1,493,641,542	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	1,251,182,183	14,993,451	1,251,182,183	14,993,451
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	461,641,263	3,372,782,819	461,641,263	3,372,782,819
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	115,410,316	843,195,705	115,410,316	843,195,705
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60= 50-51-52)	60	346,230,947	2,529,587,114	346,230,947	2,529,587,114
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70				

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2012

LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Lan Hương	*Chu Thị Á nh*	TỔNG GIÁM ĐỐC *Vũ Văn Bẩy*

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Đơn vị báo cáo : CÔNG TY CP XD HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: TOÀ NHÀ SICO

ĐƯỜNG PHẠM HÙNG - TỪ LIÊM - HÀ NỘI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPGT

Quý I năm 2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	*01*		**461,641,263**	**3,372,782,819**
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		1,768,302,033	2,180,696,560
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(975,495,214)	118,857,219
- Chi phí lãi vay	06		2,106,841,016	4,336,976,159
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	*08*		**3,361,289,098**	**10,009,312,757**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2,881,905,740	(5,576,772,098)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(27,303,578,751)	(20,773,974,440)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập	11		36,599,938,088	(1,595,500,275)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(9,741,409,175)	(4,069,510,989)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2,863,832,955)	(3,144,091,160)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*		*2,934,312,045*	*(25,150,536,205)*
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(243,108,812)	(721,118,294)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		244,823,725	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	15,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(500,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	34,782,220
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*		*1,714,913*	*13,813,663,926*
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		41,691,856,796	52,082,763,164
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(41,399,273,959)	(30,441,792,254)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	(771,578,249)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(160,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	*40*		*292,582,837*	*20,869,232,661*
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**3,228,609,795**	**9,532,360,382**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**703,120,834**	**1,081,712,655**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**	VII.34	**3,931,730,629**	**10,614,073,037**

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2012

LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Lan Hường	Chu Thị Ánh	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Văn Bảy

Đơn vị báo cáo : CÔNG TY CP XD HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: TOÀ NHÀ SICO - ĐƯỜNG PHẠM HÙNG - TỪ LIÊM - HÀ NỘI

Điện thoại: 04.37684581 Fax: 04.37682972

Mẫu số B 09 - DN
(Ban hành kèm theo QĐ 15/2006/QĐ BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2012

I - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Sông Đà là Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Trạm bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 theo Quyết định số 1302/QĐ-BXD ngày 18/10/2002 và Quyết định số 1653/QĐ-BXD ngày 09/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Trạm bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 - doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng công ty Sông Đà thành Công ty Cổ phần.

Tại Quyết định số 84 CT/HĐQT ngày 25/08/2006 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty, tên Công ty được đổi thành Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng Sông Đà, tên giao dịch là : songda infrastructure construction Join stock company, tên viết tắt là : SICO.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty số 0103001788 do sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 17/01/2003. Trong quá trình hoạt động Công ty đã được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1, 2, 3 ,4,5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12

Tổng số vốn điều lệ khi thành lập Công ty là 2.000.000.000,đồng, đến thời điểm 28/5/2010, vốn điều lệ đăng ký được tăng lên 209.500.000.000,đồng.

Tên Công ty hiện nay là Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng Sông Đà, trụ sở chính tại Toà nhà SICO, thôn Phú Mỹ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SDH.

Các cổ đông sáng lập của Công ty bao gồm :

+ Công ty Sông Đà 9 : Đơn vị thành viên Tổng công ty Sông Đà.
+ Ông Hồ Văn Dũng.
+ Ông Vũ Văn Bẩy.
+ 311 cổ đông khác : Các cổ đông khác chủ yếu là cán bộ công nhân viên thuộc Tổng công ty Sông Đà.

Số vốn góp thực tế của các cổ đông góp vào Công ty đến thời điểm 31/3/2012 là 209.500.000.000,đồng.

2- Lĩnh vực kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001788 thay đổi lần thứ 12 ngày 05/7/2010, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm :

- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, bê tông thương phẩm;
- Sản xuất các cấu kiện bê tông, kết cấu thép;
- Nhận thầu các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, bưu điện, các công trình thuỷ lợi, giao thông, đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng, đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế 110KV, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình cấp thoát nước, lắp đặt các đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh, trang trí nội thất, gia công lắp đặt khung nhôm kính các loại;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu nguyên, nhiên vật liệu, vật tư thiết bị, phụ tùng máy xây dựng;
- Sản xuất kinh doanh que hàn;

- Kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị và công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh điện;
- Tư vấn giám sát xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Trang trí ngoại thất công trình;
- Cho thuê văn phòng, nhà ở, kho bãi, nhà xưởng, bãi đỗ xe;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống giải khát, dịch vụ vui chơi, giải trí (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar)
- Sản xuất, mua bán xi măng ;
- Kinh doanh, khai thác, chế biến các loại khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm)
- Đại lý kinh doanh xăng dầu, mỡ nhờn, khí đốt ;
- Nhận uỷ thác đầu tư cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước ;
- Đào tạo, dậy nghề công nhân nhân kỹ thuật chuyên ngành xây dựng và công nghiệp thông tin (Chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép);
- Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô theo hợp đồng;
- Thiết kế kết cấu đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản ;
- Đầu tư xây dựng công viên ;
- Quản lý, điều hành công viên, khu vui chơi, giải trí công cộng.

Trong quý I/ 2012, hoạt động chính của Công ty: xây dựng các công trình , kinh doanh một số lao vụ phục vụ nhỏ lẻ khác

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm : Bắt đầu từ ngày 01/01/2012 và kết thúc vào ngày 31/12/2012.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng : Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

2. Hình thức kế toán áp dụng : Nhật ký chung theo chương trình kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền theo giá trị quy đổi thực tế ra đồng Việt Nam trên thị trường tại thời điểm phát sinh.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá gốc bao gồm giá mua theo hoá đơn, chi phí vận chuyển, bốc dỡ, bảo quản và một số khoản chi phí khác. Hàng tồn kho được tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm các chi phí phát sinh cho các công trình chưa hoàn thành đến thời điểm 31/3/2012

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

3.1. Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn luỹ kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

3.2. Tài sản cố định thuê tài chính và hao mòn

Tài sản cố định thuê tài chính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn luỹ kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính được xác định căn cứ vào các hợp đồng thuê tài chính và các phụ lục hợp đồng .

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

3.3. Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Đến thời điểm 31/3/2012 đơn vị không có tài sản cố định vô hình

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư : (Trong kỳ đơn vị không có hoạt động đầu tư bất động sản.)

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn là đầu tư góp vốn vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua, xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Lãi tiền vay phát sinh từ các khoản vay khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

- Tỷ lệ vốn hoá được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ:

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác :

- Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước :

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh tronh năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm :

- Chi phí thành lập.
- Chi phí trước hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo)
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức tại doanh nghiệp.
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn.
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản.
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

- Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có số chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ hiện tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh tư kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tổ thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản:
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :

- Doanh thu hoạt động xây dựng được ghi nhận trên cơ sở phiếu giá thanh toán khối lượng xây lắp thực hiện đã được ký kết, hoá đơn đã phát hành và được khách hàng chấp nhận thanh toán không phân biệt đã thu hay chưa thụ được tiền.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên cơ sở hàng hoá, dịch vụ đã giao cho khách hàng, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán., không phân biệt đã thu hay chưa thu được tiền.

- Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện :

  + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó

  + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

- Doanh thu hợp đồng xây dựng: Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ % giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng (hoặc theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành hoặc theo phương phát tỷ lệ % giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp hoàn thành của Hợp đồng)

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm :

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí cho vay và đi vay vốn.
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

V. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền	**31/03/2012**	**01/01/2012**
- Tiền mặt	3,888,120,217	640,147,730
- Tiền gửi ngân hàng	43,610,412	62,973,104
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	**3,931,730,629**	**703,120,834**

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**31/03/2012**		**01/01/2012**	
	Số lượng	**Giá trị**	**Số lượng**	**Giá trị**
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		-	-	
- Trái phiếu đầu tư ngắn hạn		-	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác		882,180,397	-	882,180,397
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-	-	-
- Lý do thay đổi với từng khoản đầu tư		-	-	-
Cộng		**882,180,397**	-	882,180,397

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	**31/03/2012**	**01/01/2012**
- Phải thu về cổ phần hóa		
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
- Phải thu người lao động	2,814,708,191	2,818,003,838
- Phải thu khác	90,517,719,924	104,329,774,727
Cộng	**93,332,428,115**	**107,147,778,565**

4. Hàng tồn kho	**31/03/2012**	**01/01/2012**
- Hàng mua đang đi trên đường		
- Nguyên liệu, vật liệu	6,683,487,598	2,447,379,800
- Công cụ, dụng cụ	1,873,106,245	55,279,263
- Chi phí sản xuất, KD dở dang	113,742,356,113	92,492,712,142
- Thành phẩm	20,507,962	20,507,962
- Hàng hóa		-
- Hàng gửi đi bán	-	
- Hàng hóa kho bảo thuế		
- Hàng hóa bất động sản		
Cộng giá gốc hàng tồn kho	**122,319,457,918**	**95,015,879,167**

* Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: (Không phát sinh)

* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm : (Không phát sinh)

* Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : (Không phát sinh)

5. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nư	**31/03/2012**	**01/01/2012**
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa		
- Thuế GTGT được khấu trừ	8,953,124,355	6,663,829,121
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	
Cộng	**8,953,124,355**	**6,663,829,121**

6. Phải thu dài hạn nội bộ	**31/03/2012**	**01/01/2012**
- Cho vay dài hạn nội bộ		
-		
- Phải thu dài hạn nội bộ khác		
Cộng	-	-

7. Phải thu dài hạn khác	**31/03/2012**	**01/01/2012**
- Ký quỹ, ký cược dài hạn		
- Các khoản tiền nhận ủy thác		
- Cho vay không có lãi		
- Phải thu dài hạn khác		
Cộng	-	-

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	**3,547,182,625**	**62,718,859,745**	**10,484,218,096**	**821,895,436**	**1,963,167,673**	**79,535,323,575**
- Mua trong năm						-
- ĐTXDCB hoàn thành						-
- Tăng khác						-
- Chuyển sang bất động sản đầu						-
- Thanh lý, nhượng bán		4,580,403,693	1,910,200,731			6,490,604,424
- Tài sản đem đi góp vốn						-
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	**3,547,182,625**	**58,138,456,052**	**8,574,017,365**	**821,895,436**	**1,963,167,673**	**73,044,719,151**
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	**637,112,121**	**15,226,165,367**	**3,647,312,109**	**602,731,216**	**942,790,475**	**21,056,111,288**
- Khấu hao trong năm	35,471,826	1,383,755,119	205,982,043	33,494,464	93,689,490	1,752,392,942
-Tăng khác						-

-Chuyển sang bất động sản đầu						-
Thanh lý, nhương bán		3,594,159,178	1,402,803,704			4,996,962,882
- Tài sản đem đi góp vốn						-
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	**672,583,947**	**13,015,761,308**	**2,450,490,448**	**636,225,680**	**1,036,479,965**	**17,811,541,348**
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hì						
- Tại ngày đầu năm	**2,910,070,504**	**47,492,694,378**	**6,836,905,987**	**219,164,220**	**1,020,377,198**	**58,479,212,287**
- Tại ngày cuối năm	**2,874,598,678**	**45,122,694,744**	**6,123,526,917**	**185,669,756**	**926,687,708**	**55,233,177,803**

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 52.546.217.415 đ

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.118.135.443 đ

9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê tài chín						
Số dư đầu năm						
- Thuê tài chính trong năm		5,529,090,909	1,124,977,273			6,654,068,182
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính						
- Tăng khác						
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính						-
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	**-**	**5,529,090,909**	**1,124,977,273**	**-**	**-**	**6,654,068,182**
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm						
- Khấu hao trong năm		15,909,091				15,909,091
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính						-
- Tăng khác						-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính						-
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	**-**	**15,909,091**	**-**	**-**	**-**	**15,909,091**
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tà						
- Tại ngày đầu năm	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
- Tại ngày cuối năm	**-**	**5,513,181,818**	**1,124,977,273**	**-**	**-**	**6,638,159,091**

* Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm: (Không phát sinh)

* Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm (Không phát sinh)

* Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản (Không có)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình (Đến 31/12/2011 đơn vị không có TSCĐ vô hình)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:	**31/03/2012**	**01/01/2012**
- Tổng số chi phí XDCB dở dang:	**20,328,210,290**	**22,333,050,568**
Trong đó (Những hạng mục lớn) :		
+ Dự án KCN Quốc Tuấn - Hải Dương	682,480,908	682,480,908
+ Dự án tổ hợp KSVP nhà ở tại Mỹ Đình	26,574,545	26,574,545
+ Dự án KCN Yên Phong II - Bắc Ninh	18,485,222,782	18,242,113,970
+ Nhà sản xuất thuốc hàn	76,727,600	76,727,600
+ Dự án 3,2 ha Phú Diễn	27,320,909	27,320,909
+ Sửa chữa lớn TSCĐ	555,806,000	555,806,000
+ Dự án KCN Kim Bảng - Hà Nam	424,077,546	424,077,546
+ Mua sắm tài sản cố định	50,000,000	2,297,949,090

12. Tăng, giảm bất động sản dầu tư (Không phát sinh)

13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**31/03/2012**		**01/01/2012**	
a- Đầu tư vào Công ty con	**Số lượng**	**Giá trị**	**Số lượng**	**Giá trị**
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sico				
+ Về số lượng	1,530,000		1,530,000	
+ Về giá trị		15,300,000,000		15,300,000,000
- Công ty Cổ phần Sico Yên Hoà				
+ Về số lượng	420,000		420,000	
+ Về giá trị		4,200,000,000		4,200,000,000
- Công ty TNHH Sico Đồng Bằng				
+ Về số lượng				
+ Về giá trị		8,000,000,000		8,000,000,000
- Công ty Cổ phần Sông Đà Đồng Nai				
+ Về số lượng	658,110		658,110	
+ Về giá trị		38,960,000,000		38,960,000,000
Cộng		**66,460,000,000**		**66,460,000,000**

b- Đầu tư vào Công ty công ty liên doanh, liên kết

	31/03/2012	**01/01/2012**
- Ban quản lý dự án Yên Hoà		
+ Về số lượng	-	
+ Về giá trị	400,000,000	400,000,000

Cộng		**400,000,000**		**400,000,000**
c- Đầu tư dài hạn khác				
- Đầu tư cổ phiếu				
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sico Thảo Điền				
+ Về số lượng	224,963		224,963	
+ Về giá trị		2,249,625,000		2,249,625,000
Công ty Cổ phần Thương mại Nam Sài Gòn				
+ Về số lượng	1,490		1,500	
+ Về giá trị		1,540,000,000		1,540,000,000
Ban QLDA Số 5 Lạc Long Quân				
+ Về số lượng				
+ Về giá trị		100,000,000		100,000,000
- Đầu tư trái phiếu				
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu				
- Cho vay dài hạn				
-Lý do thay đổi với từng khoản đầu tư/loại cổ phiếu, trái phiếu				
Cộng		**3,889,625,000**		**3,789,625,000**

14. Chi phí trả trước dài hạn	**31/03/2012**	**01/01/2012**
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ		
- Chi phí thành lập doanh nghiệp		
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn		
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	4,810,069,037	5,000,103,491
Cộng	**4,810,069,037**	**5,000,103,491**

15. Vay và nợ ngắn hạn	**31/03/2012**	**01/01/2012**
- Vay ngắn hạn	113,305,139,693	110,572,556,856
- Nợ dài hạn đến hạn trả	2,212,600,000	
Cộng	**115,517,739,693**	**110,572,556,856**

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	**31/03/2012**	**01/01/2012**
- Thuế GTGT	7,773,043,414	8,094,797,363
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất, nhập khẩu		
- Thuế TNDN	13,300,895,038	13,185,484,722
- Thuế thu nhập cá nhân	767,621,413	703,676,388
- Thuế tài nguyên	59,109,662	59,109,662
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất		
- Thuế môn bài	6,000,000	

- Các loại thuế khác	46,364	46,364
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản nộp khác	11,591,526	11,591,526
Cộng	**21,918,307,417**	**22,054,706,025**
17. Chi phí phải trả	**31/03/2012**	**01/01/2012**
- Trích trước CP tiền lương trong thời gian nghỉ		
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ		
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh		
- Tạm xác định CP thi công các công trình	2,686,316,545	3,207,234,727
Cộng	**2,686,316,545**	**3,207,234,727**
18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn k	**31/03/2012**	**01/01/2012**
- Tài sản thừa chờ giải quyết		-
- Kinh phí công đoàn	335,466,186	274,441,061
- Bảo hiểm xã hội	849,702,427	1,004,939,007
- Bảo hiểm y tế	270,128,659	231,309,682
- Bảo hiểm thất nghiệp	5,609,493	115,110,394
- Phải trả về cổ phần hóa		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	50,379,454,757	47,252,583,845
Cộng	**51,840,361,522**	**48,878,383,989**
19. Phải trả dài hạn nội bộ	**31/03/2012**	**01/01/2012**
- Vay dài hạn nội bộ		
- Phải trả dài hạn nội bộ khác		
Cộng	**-**	**-**
20. Vay và nợ dài hạn	**31/03/2012**	**01/01/2012**
a. Vay dài hạn	**13,761,770,159**	**16,201,770,159**
- Vay ngân hàng	13,761,770,159	16,201,770,159
- Vay đối tượng khác		
- Trái phiếu phát hành		
b. Nợ dài hạn	**5,104,400,000**	**-**
- Thuê tài chính	5,104,400,000	-
- Nợ dài hạn khác		
Cộng	**18,866,170,159**	**16,201,770,159**
c. Các khoản nợ thuê tài chính		

Thời hạn	Quý I năm 2012			Luỹ kế từ đầu năm 2012		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuốn						
Trên 1 năm đến 5	-	-	-	-	-	-
Trên 5 năm						

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:	31/03/2012	01/01/2012
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng		
- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước		

b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31/03/2012	01/01/2012
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế		
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước		

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	**209,500,000,000**	**11,957,753,767**	**35,975,541,653**	**257,433,295,420**
- Tăng vốn trong năm				-
- Lãi trong năm trước			925,940,868	925,940,868
- Tăng khác				-
- Giảm vốn trong năm		11,307,251,897		11,307,251,897
- Lỗ trong năm trước				-
- Giảm khác			35,975,541,653	35,975,541,653
Số dư cuối năm trước - Số dư đầu năm này	**209,500,000,000**	**650,501,870**	**925,940,868**	**211,076,442,738**
- Tăng vốn trong năm				-
- Lãi trong năm			346,230,947	346,230,947
- Tăng khác				-
- Giảm vốn trong năm				-
- Lỗ trong năm				-
- Giảm khác				-
Số dư cuối năm	**209,500,000,000**	**650,501,870**	**1,272,171,815**	**211,422,673,685**

b - Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	**31/03/2012**	**01/01/2012**
- Vốn góp của các cổ đông	209,500,000,000	209,500,000,000
Cộng	**209,500,000,000**	**209,500,000,000**

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

* Số lượng cổ phiếu quỹ:

c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	31/03/2012	**01/01/2012**
+ Vốn đầu kỳ	209,500,000,000	209,500,000,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	
+ Vốn góp giảm trong kỳ		
+ Vốn góp cuối kỳ	209,500,000,000	209,500,000,000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia		

d - Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán:
  + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thôr
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:

đ - Cổ phiếu	**31/03/2012**	**01/01/2012**
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20,950,000	20,950,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20,950,000	20,950,000
+ Cổ phiếu phổ thông	20,950,000	20,950,000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	410,500	410,500
+ Cổ phiếu phổ thông	410,500	410,500
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20,950,000	20,950,000
+ Cổ phiếu phổ thông	20,539,500	20,539,500
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hài 10.000đ/1CF	**31/03/2012**	**01/01/2012**
e- Các quỹ của Công ty	**15,844,447,182**	**15,844,447,182**
- Quỹ đầu tư phát triển	11,266,639,192	11,266,639,192
- Quỹ dự phòng tài chính	4,577,807,990	4,577,807,990
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

**** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:***

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc Đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

g - Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các Chuẩn mực kế toán cụ thể: (không có)

23. Nguồn kinh phí	**31/03/2012**	**01/01/2012**
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
- Chi sự nghiệp	-	-
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	-	-

24. Tài sản thuê ngoài	**31/03/2012**	**01/01/2012**
- TSCĐ thuê ngoài	-	-
- Tài sản khác thuê ngoài	-	-

VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Quý I năm 2012	**Quý I năm 2011**
25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	**31,990,454,539**	**26,563,515,209**
Trong đó:		
+ Doanh thu hợp đồng xây dựng	6,496,894,545	16,437,272,727
+ Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm		1,353,253,577
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	25,493,559,994	8,772,988,905

	Quý I năm 2012	**Quý I năm 2011**
26. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02	**-**	**68,194,359**
+ Giảm giá hàng bán	-	68,194,359

27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)

	Quý I năm 2012	**Quý I năm 2011**
Trong đó	**31,990,454,539**	**26,495,320,850**
+ Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	6,496,894,545	16,369,078,368
+ Doanh thu thuần bán hàng hoá, thành phẩ	-	1,353,253,577
+ Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	25,493,559,994	8,772,988,905

28. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)	**Quý I năm 2012**	**Quý I năm 2011**
- Giá vốn hợp đồng xây lắp	5,090,053,461	10,439,062,573
- Giá vốn hàng hoá, thành phẩm	130,067,781	1,165,492,700
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	25,244,366,057	4,534,089,822
Cộng	**30,464,487,299**	**16,138,645,095**

29. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 2	**Quý I năm 2012**	**Quý I năm 2011**
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,122,213,141	286,376,255
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		

- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Lãi bán ngoại tệ		
-Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
-Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
-Lãi bán hàng trả chậm		
-Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Cộng	**1,122,213,141**	**286,376,255**

30. Chi phí tài chính (Mã số 22)	**Quý I năm 2012**	**Quý I năm 2011**
- Lãi tiền vay	2,106,841,016	4,336,976,159
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dà		
- Lỗ bán ngoại tệ		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
-Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
- Lãi thuê tài chính	-	29,377,713
- Lãi chậm trả		
- Chi phí tài chính khác		
Cộng	**2,106,841,016**	**4,366,353,872**

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số	**Quý I năm 2012**	**Quý I năm 2011**
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	115,410,316	843,195,705
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	
- Tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành	**115,410,316**	**843,195,705**

32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52)

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả.
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	**Quý I năm 2012**	**Quý I năm 2011**
- Chi phí nguyên vật liệu	9,169,725,214	7,730,931,297
- Chi phí nhân công	448,934,000	3,885,206,155
- Chi phí máy thi công	2,385,499,887	7,879,872,223
- Chi phí sản xuất chung	8,546,284,885	6,811,871,718

Cộng	**20,550,443,986**	**26,307,881,393**

VII - thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ

34. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(243,108,812)	(721,118,294)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	244,823,725	-
- Tiền chi Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(500,000,000)

VIII. Những thông tin khác (không có)

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2012

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Nguyễn Thị Lan Hương	*Chu Thị Ánh*	TỔNG GIÁM ĐỐC *Vũ Văn Bảy*

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG DA

TẬP ĐOÀN SÔNG ĐÀ - SONGDA CORPORATION
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ
X□Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
Tel: 04.7682972 Fax: 04.7682972

Số:.....CT/TCKT
V/v: Giải trình biến động LNST Công ty mẹ quý I/12

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2012.

Kính gửi : **- UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HÀ NỘI

Trước hết, Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà (Công ty Sico) xin gửi lời chào trân trọng đến Uỷ ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội và xin chân thành cảm ơn sự quan tâm, hỗ trợ của các Quý cơ quan trong suốt thời gian vừa qua.

Quý I/2012, Công ty Sico đạt 346.230.947 đồng lợi nhuận sau thuế. So với cùng kỳ năm 2011 giảm 2,18 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Theo đó, Công ty Sico xin có một số ý kiến giải trình về việc biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý I/2012 của Công ty mẹ như sau:

- **Thứ nhất**, ngành nghề sản xuất xuất kinh doanh chính của Công ty Sico là xây dựng, kinh doanh bất động sản trong quý I/2012 vẫn phải đối mặt với tình trạng: lạm phát tăng cao, chi phí xây dựng biến động, việc huy động vốn vào sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh chính sách thắt chặt tiền tệ làm cho các chủ đầu tư thiếu vốn để thanh toán và triển khai thi công các công trình Công ty đang thi công làm doanh thu của Công ty giảm dẫn đến lợi nhuận sau thuế của Công ty bị giảm.

- **Thứ hai,** Trong quý I/2012 lãi suất Ngân hàng vẫn còn quá cao, nên hoạt động sản xuất kinh doanh khó có lãi, Công ty phải chủ động giãn tiến độ đầu tư một số dự án bất động sản và chưa thể cung cấp sản phẩm ra thị trường nên trong quý I/2012 chưa có doanh thu từ các dự án bất động sản nên chưa có lợi nhuận cho hoạt động này.

Trên đây là các nguyên nhân chính dẫn đến lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý I/2012 của Công ty Sico biến động giảm so với quý I/2011.

Công ty Sico xin trân trọng giải trình!